



**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Báo cáo tài chính riêng cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh Nghiệp số** 0200236845 Ngày 18 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
Ông Trương Văn Thái	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên
Ông Bùi Chiến Thắng	Thành viên

*(đến ngày 29 tháng 9 năm 2016)*

**Ban Kiểm soát**

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc

*(từ ngày 12 tháng 7 năm 2016)*

Ông Bùi Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
---------------------	-------------------

*(đến ngày 31 tháng 8 năm 2016)*

**Trụ sở đăng ký** Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Minh  
*KT. Tổng Giám đốc*  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hải Phòng, 26-03-2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



## Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng các số liệu so sánh đã trình bày, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng, là số liệu căn cứ trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Trong quá trình kiểm toán báo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh như được trình bày tại Thuyết minh 36 được áp dụng để điều chỉnh các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoài các thủ tục kiểm toán được thực hiện đối với những điều chỉnh được trình bày ở Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính riêng này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay bất kỳ sự đảm bảo nào về báo cáo tài chính đó. Theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày là phù hợp và được áp dụng đúng.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-149-c



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2594-2014-007-1

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.090.749.684.287</b>	<b>1.152.004.735.142</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>348.069.094.448</b>	<b>18.416.818.638</b>
Tiền	111		263.069.094.448	18.416.818.638
Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>482.981.000.000</b>	<b>802.067.450.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	482.981.000.000	802.067.450.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>228.480.221.699</b>	<b>288.863.960.653</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	156.401.809.632	188.949.735.902
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.717.884.101	3.706.258.840
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	68.296.580.230	109.988.690.810
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(19.936.052.264)	(13.780.724.899)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>17.781.773.697</b>	<b>29.587.968.134</b>
Hàng tồn kho	141		17.781.773.697	29.587.968.134
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.437.594.443</b>	<b>13.068.537.717</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	11.612.433.325	10.765.445.360
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(a)	1.825.161.118	-
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153		-	2.303.092.357

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>3.684.475.507.451</b>	<b>3.830.407.347.020</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.270.415.738.595</b>	<b>2.871.489.260.791</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.269.714.077.595	2.870.673.479.791
Nguyên giá	222		4.092.649.939.539	5.345.213.903.341
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.822.935.861.944)	(2.474.540.423.550)
Tài sản cố định vô hình	227	11	701.661.000	815.781.000
Nguyên giá	228		29.721.021.138	29.721.021.138
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.019.360.138)	(28.905.240.138)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.974.068.269</b>	<b>5.390.149.204</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	18.974.068.269	5.390.149.204
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>1.361.367.711.333</b>	<b>922.502.874.557</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.279.501.691.109	833.501.691.109
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		83.143.237.464	77.551.047.448
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.032.353.240)	(6.305.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.717.989.254</b>	<b>31.025.062.468</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	16.038.341.756	31.025.062.468
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	17.679.647.498	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.775.225.191.738</b>	<b>4.982.412.082.162</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.062.146.607.753</b>	<b>1.380.517.498.455</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>314.664.502.651</b>	<b>604.544.067.614</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	36.032.047.859	41.325.268.755
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		883.792.089	6.466.365.831
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	38.122.274.029	34.061.342.625
Phải trả người lao động	314		88.817.767.287	146.996.823.273
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	95.398.120.573	51.952.211.042
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	10.169.580.963	180.079.728.052
Vay ngắn hạn	320	19(a)	29.534.548.044	28.036.566.558
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	15.706.371.807	115.625.761.478
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>747.482.105.102</b>	<b>775.973.430.841</b>
Vay dài hạn	338	19(b)	737.744.807.102	747.805.595.841
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	9.737.298.000	28.167.835.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>3.713.078.583.985</b>	<b>3.601.894.583.707</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>3.713.078.583.985</b>	<b>3.601.894.583.707</b>
Vốn cổ phần	411	23	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	60.917.847.513	10.899.547.066
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		382.560.736.472	321.395.036.641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		63.941.454.834	63.718.663.882
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		318.619.281.638	257.676.372.759
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.775.225.191.738</b>	<b>4.982.412.082.162</b>

Người lập:



Đào Ngọc Thành  
Kế toán tổng hợp

26 -03- 2017

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh  
KT. Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	27	1.225.436.722.813	1.677.767.531.241
Giá vốn hàng bán	11		768.492.056.345	1.150.577.783.156
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>456.944.666.468</b>	<b>527.189.748.085</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	243.757.138.161	111.185.358.813
Chi phí tài chính	22	29	82.739.733.713	69.297.177.179
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.704.227.441	60.178.704.770
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	121.359.689.198	120.317.427.679
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>496.602.381.718</b>	<b>448.760.502.040</b>
Thu nhập khác	31	31	3.114.370.946	2.940.576.820
Chi phí khác	32		1.881.809.172	984.207.523
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.232.561.774</b>	<b>1.956.369.297</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>497.834.943.492</b>	<b>450.716.871.337</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	66.111.309.352	94.952.498.578
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(17.679.647.498)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>449.403.281.638</b>	<b>355.764.372.759</b>

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh  
KT. Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND Đã trình bày lại/ đã điều chỉnh lại</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>497.834.943.492</b>	<b>450.716.871.337</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		254.545.593.791	316.257.742.206
Các khoản dự phòng	03		932.199.514	(230.420.477)
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.896.121.190	(200.016.453)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(240.186.723.914)	(101.318.511.509)
Chi phí lãi vay	06		49.704.227.441	60.178.704.770
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>577.726.361.514</b>	<b>725.404.369.874</b>
Biến động các khoản phải thu	09		16.936.028.257	36.308.426.541
Biến động hàng tồn kho	10		3.769.346.276	(4.468.565.543)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(37.393.029.065)	45.410.653.173
Biến động chi phí trả trước	12		10.071.108.060	6.678.304.065
			<b>571.109.815.042</b>	<b>809.333.188.110</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.571.139.501)	(10.276.438.255)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(59.932.380.841)	(96.810.054.369)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(143.199.288.635)	(61.859.447.156)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>361.407.006.065</b>	<b>640.387.248.330</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã trình bày lại/ đã điều chỉnh lại
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(105.047.537.283)	(225.618.128.653)
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(1.367.672.000.000)	(3.372.169.020.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		1.686.758.450.000	3.026.587.568.457
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(41.548.034.393)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		5.114.639.588	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		183.645.101.753	100.009.701.920
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>361.250.619.665</b>	<b>(471.189.878.276)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.398.005.640)	(179.864.383.653)
Tiền trả cổ tức	36		(365.829.767.039)	(9.558.230.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(397.227.772.679)</b>	<b>(189.422.613.653)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>325.429.853.051</b>	<b>(20.225.243.599)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	18.416.818.638	38.632.641.975
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.222.422.759	9.420.262
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>348.069.094.448</b>	<b>18.416.818.638</b>

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Phạm Hồng Minh  
KT. Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

## **Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt và chuyển Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khai thác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, trạm xá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không phục vụ quầy bar).

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

## **Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Cấu trúc Công ty**

Công ty có trụ sở văn phòng chính tại số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2016: 5 đơn vị trực thuộc) sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	Số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2016, Công ty thoái vốn khỏi công ty liên kết là Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam. Ngày 4 tháng 10 năm 2016, Công ty đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần HGH Logistics.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 5 công ty con (1/1/2016: 2 công ty con) và 6 công ty liên kết (1/1/2016: 6 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1.772 nhân viên (1/1/2016: 3.393 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập theo phương pháp trực tiếp. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, số liệu so sánh của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

## **Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



## **Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

#### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 13 năm

### **(g) Tài sản cố định vô hình**

#### **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.

### **(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

### **(i) Chi phí trả trước dài hạn**

#### **(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

## **Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định tính theo phương pháp dựa trên số liệu của bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	748.371.500	120.742.500
Tiền gửi ngân hàng	262.320.722.948	18.296.076.138
Các khoản tương đương tiền	85.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	348.069.094.448	18.416.818.638
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 6.785.100 USD (tương đương 154.090 triệu VND) (1/1/2016: 0 VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

**5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	482.981.000.000	482.981.000.000	802.067.450.000	802.067.450.000
	<hr/>			

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 46.281 triệu VND (1/1/2016: 0 VND) bị hạn chế sử dụng do được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016			% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>									
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Hải Phòng	51%	816.000.000.000	-	1.468.800.000.000	51%	816.000.000.000	-	1.275.000.000.000
• Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	60%	17.501.691.109	-	(**)	60%	17.501.691.109	-	(**)
• Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu (*)	Hải Phòng	100%	430.000.000.000	-	(**)	-	-	-	-
• Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng (*)	Hải Phòng	100%	15.000.000.000	-	(**)	-	-	-	-
• Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng (*)	Hải Phòng	100%	1.000.000.000	-	(**)	-	-	-	-
			<u>1.279.501.691.109</u>	<u>-</u>			<u>833.501.691.109</u>	<u>-</u>	

(\*) Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng, và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016			% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND (đã điều chỉnh lại)	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>									
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	35,31%	31.440.000.000	(5.855.241.085)	(**)	35,33%	31.440.000.000	-	(**)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Hải Phòng	27,61%	25.289.203.035	-	(**)	27,61%	25.289.203.035	-	(**)
• Công ty Cổ phần HGH Logistics	Hải Phòng	38,80%	11.596.000.000	-	(**)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	32,24%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(**)	32,24%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	(**)
• Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (***)	Hải Phòng	25%	5.518.034.429	(5.518.034.429)	(**)	25%	5.518.034.429	-	(**)
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	Hải Phòng	20,12%	3.000.000.000	(337.946.714)	(**)	20,12%	3.000.000.000	-	(**)
• Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	-	-	-	-	27,4%	6.003.809.984	-	(**)
			<u>83.143.237.464</u>	<u>(18.011.222.228)</u>			<u>77.551.047.448</u>	<u>(6.300.000.000)</u>	

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*\*) Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết này. Công ty thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	% số hữu và quyền biểu quyết	31/12/2016			% số hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND (đã điều chỉnh lại)	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đơn vị khác</b>									
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	0,13%	15.307.119.745	-	(**)	0,13%	15.307.119.745	-	(**)
• Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	Hải Phòng	3,06%	144.385.243	-	(**)	3,06%	144.385.243	-	(**)
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	0,45%	122.500.000	-	413.271.120	0,45%	122.500.000	(5.000.000)	117.500.000
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hải Phòng	1,41%	2.181.131.012	(1.021.131.012)	1.160.000.000	1,41%	2.181.131.012	-	1.556.000.000
			<u>17.755.136.000</u>	<u>(1.021.131.012)</u>			<u>17.755.136.000</u>	<u>(5.000.000)</u>	
			<u>1.380.400.064.573</u>	<u>(19.032.353.240)</u>			<u>928.807.874.557</u>	<u>(6.305.000.000)</u>	

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b>
<i>Các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ	1.661.611.165	-
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	2.658.785.087	894.165.476
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	405.878.342	469.496.086
<i>Các bên thứ ba</i>		
Maersk Line A/S	23.175.220.963	25.360.355.030
Các khách hàng khác	128.500.314.075	162.225.719.310
	156.401.809.632	188.949.735.902

Khoản phải thu từ Công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b>
Phải thu về cổ phần hóa từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	99.960.782.454
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	53.440.964.042	-
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	8.786.272.960	4.796.444.445
Phải thu bổ sung thuế thu nhập cá nhân từ người lao động	2.711.502.615	905.136.347
Tạm ứng	368.751.000	674.727.748
Ký quỹ	2.000.000	2.000.000
Phải thu khác	2.987.089.613	3.649.599.816
	68.296.580.230	109.988.690.810



**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2016			Số ngày quá hạn	1/1/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND (đã điều chỉnh lại)	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Trên 3 năm	3.271.865.211	(3.271.865.211)	-	Trên 3 năm	3.236.585.742	(3.236.585.742)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hải Châu	2 - 3 năm	965.762.010	(795.118.197)	170.643.813	1 - 2 năm	965.762.010	(482.881.005)	482.881.005
Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container	1 - 3 năm	2.852.328.497	(1.461.273.917)	1.391.054.580	Dưới 6 tháng - 2 năm	3.006.328.497	-	3.006.328.497
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	6 tháng - 2 năm	9.930.305.723	(4.355.036.239)	5.575.269.484	Dưới 6 tháng	6.066.389.766	-	6.066.389.766
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	2.805.537.990	(2.805.537.990)	-	Trên 3 năm	3.225.629.009	(3.225.629.009)	-
Các khách hàng khác	Dưới 3 năm	1.094.866.504	(618.353.892)	476.512.612	Dưới 3 năm	413.524.650	(206.762.325)	206.762.325
		<u>27.549.532.753</u>	<u>(19.936.052.264)</u>	<u>7.613.480.489</u>		<u>23.543.086.492</u>	<u>(13.780.724.899)</u>	<u>9.762.361.593</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(19.936.052.264)

(13.780.724.899)

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	<b>Giá gốc</b>	
	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(đã điều chỉnh lại)</b>
Nguyên vật liệu	16.616.328.286	26.997.682.523
Công cụ và dụng cụ	1.165.445.411	2.503.253.632
Hàng hóa	-	87.031.979
	<hr/>	<hr/>
	17.781.773.697	29.587.968.134
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	2.252.460.244.635	94.117.434.192	2.964.887.927.868	33.748.296.646	5.345.213.903.341
Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.301.982.470.703	94.117.434.192	2.931.106.820.177	76.657.214.544	5.403.863.939.616
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)	(49.522.226.068)	-	33.781.107.691	(42.908.917.898)	(58.650.036.275)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	33.005.832.780	171.493.816	29.523.334.385	6.964.604.237	69.665.265.218
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 35)	(658.947.184.902)	(14.463.416.810)	(638.800.794.403)	(10.017.832.905)	(1.322.229.229.020)
Số dư cuối năm	1.626.518.892.513	79.825.511.198	2.355.610.467.850	30.695.067.978	4.092.649.939.539
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	973.706.414.821	32.971.455.577	1.449.528.106.963	18.334.446.189	2.474.540.423.550
Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.066.888.618.232	32.971.455.577	1.437.187.946.238	61.276.483.826	2.598.324.503.873
Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)	(93.182.203.411)	-	12.340.160.725	(42.942.037.637)	(123.784.080.323)
Khấu hao trong năm	65.527.841.955	2.894.393.352	184.198.410.772	2.618.204.108	255.238.850.187
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 35)	(470.969.488.172)	(6.633.386.778)	(423.179.283.295)	(6.061.253.548)	(906.843.411.793)
Số dư cuối năm	568.264.768.604	29.232.462.151	1.210.547.234.440	14.891.396.749	1.822.935.861.944
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	1.278.753.829.814	61.145.978.615	1.515.359.820.905	15.413.850.457	2.870.673.479.791
Số dư cuối năm	1.058.254.123.909	50.593.049.047	1.145.063.233.410	15.803.671.229	2.269.714.077.595

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 6.247 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 6.247 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	29.721.021.138
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>27.973.244.400</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>1.747.776.738</i>
<hr/>	
Số dư cuối năm	29.721.021.138
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	28.905.240.138
<i>Số dư đầu năm – theo Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>27.157.463.400</i>
<i>Điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh 36)</i>	<i>1.747.776.738</i>
Khấu hao trong năm	114.120.000
<hr/>	
Số dư cuối năm	29.019.360.138
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	815.781.000
Số dư cuối năm	701.661.000

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 28.638 triệu VND đã được khấu hao hết (1/1/2016: 26.890 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Số dư đầu năm	5.390.149.204	56.873.259.955
Tăng trong năm	83.249.184.283	26.476.585.583
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(69.665.265.218)	(77.959.696.334)
<hr/>		
Số dư cuối năm	18.974.068.269	5.390.149.204

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Dự án tàu trọng tải lớn vào cảng	-	1.135.850.909
Đường RTG trên bãi tiền phương (đường 12 RTG + 6 RTG)	1.818.573.938	884.646.719
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	14.742.172.460	895.018.373
Bãi chứa hàng hậu phương số 3, 4	543.002.909	543.002.909
Công trình khác	1.870.318.962	1.931.630.294
	<hr/> 18.974.068.269	<hr/> 5.390.149.204 <hr/>

**13. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	6.441.612.474	3.037.046.585
Công cụ, dụng cụ	4.353.650.639	2.444.759.905
Chi phí sửa chữa	-	4.924.654.143
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	817.170.212	358.984.727
	<hr/> 11.612.433.325	<hr/> 10.765.445.360 <hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ, dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Lợi thế kinh doanh</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	5.375.494.468	25.649.568.000	31.025.062.468
Tăng trong năm	3.604.937.591	-	3.604.937.591
Phân bổ trong năm	(3.316.167.616)	(12.824.784.000)	(16.140.951.616)
Giảm do tách các đơn vị trực thuộc thành công ty con (Thuyết minh 35)	(2.209.106.687)	-	(2.209.106.687)
Thanh lý	(241.600.000)	-	(241.600.000)
	<hr/> 3.213.557.756	<hr/> 12.824.784.000	<hr/> 16.038.341.756 <hr/>

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</i>			
Chi phí lãi vay ODA cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị chưa được duyệt phương án trả nợ và đồng tiền vay	20%	18.591.516.184	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20%	(911.868.686)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>		<b>17.679.647.498</b>	<b>-</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	5.639.557.044	8.140.660.651
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	912.249.481	126.486.987
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	56.401.318	-
<i>Các bên thứ ba</i>		
Các nhà cung cấp khác	29.423.840.016	33.058.121.117
	<b>36.032.047.859</b>	<b>41.325.268.755</b>

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước****(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	32.137.337.759	(30.312.176.641)	1.825.161.118

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ/ nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.595.744.319	68.029.727.736	(70.666.685.377)	2.958.786.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.457.077.106	66.111.309.352	(59.932.380.841)	34.636.005.617
Tiền thuê đất	-	20.872.671.000	(20.872.671.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.650.447.382	(8.122.965.648)	527.481.734
Các loại thuế khác	8.521.200	154.400.000	(162.921.200)	-
	34.061.342.625	163.818.555.470	(159.757.624.066)	38.122.274.029

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	95.085.298.982	51.952.211.042
Các khoản trích trước khác	312.821.591	-
	95.398.120.573	51.952.211.042

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	170.269.770.000
Phải trả người lao động liên quan đến thuế thu nhập cá nhân khấu trừ thừa	1.073.874.631	4.461.931.368
Bảo hiểm xã hội	2.642.439	-
Kinh phí công đoàn	624.174.803	928.747.320
Phải trả tiền ăn ca	8.043.082.000	1.178.760.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	425.807.090	3.240.519.364
	<hr/>	
	10.169.580.963	180.079.728.052
	<hr/>	

**19. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2016</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>và số có khả</b> <b>năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2016</b> <b>Giá trị ghi sổ</b> <b>và số có khả</b> <b>năng trả nợ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	
Vay dài hạn đến hạn trả	28.036.566.558	32.895.987.126	(31.398.005.640)	29.534.548.044
	<hr/>			

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b>
Vay dài hạn	767.279.355.146	775.842.162.399
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(29.534.548.044)	(28.036.566.558)
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	737.744.807.102	747.805.595.841
	<hr/>	



**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Vay ODA giai đoạn II	JPY	1,5%	2029	383.949.124.559	392.511.931.812
Vay ODA giai đoạn II bổ sung (thuyết minh 36)	VND	9,7%	2029 (*)	41.219.984.859	41.219.984.859
Vay ODA cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ	VND	9,7%	2020 (*)	342.110.245.728	342.110.245.728
				767.279.355.146	775.842.162.399

(\*) Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Thuyết minh 38). Theo đó, giá trị khoản vay cho cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ và gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung mà Công ty phải nhận nợ là 383.330.230.587 VND từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay này bằng VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Công ty đã xây dựng phương án trả khoản vay trên với lãi suất 9,5%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Cũng theo phương án trả khoản vay nói trên, thời hạn của khoản vay gói thiết bị ODA giai đoạn II bổ sung là đến năm 2029 và thời hạn của khoản vay cầu số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ là đến năm 2020. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	115.625.761.478	164.468.862.263
Trích lập trong năm	44.087.275.360	14.138.581.572
Sử dụng trong năm	(144.006.665.031)	(62.981.682.357)
Số dư cuối năm	15.706.371.807	115.625.761.478

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	<b>Sửa chữa định kỳ</b> <b>tài sản cố định</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	28.167.835.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.344.974.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.406.276.000)
Hoàn nhập dự phòng khi giải thể chi nhánh	(9.679.287.000)
Số dư cuối năm	9.737.298.000

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	3.269.600.000.000	107.729.136	170.250.421.184	3.439.958.150.320
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	355.764.372.759	355.764.372.759
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	10.653.175.730	(10.653.175.730)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.138.581.572)	(14.138.581.572)
Cổ tức	-	-	(179.828.000.000)	(179.828.000.000)
Tăng khác	-	138.642.200	-	138.642.200
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	3.269.600.000.000	10.899.547.066	321.395.036.641	3.601.894.583.707
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	449.403.281.638	449.403.281.638
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	49.886.306.447	(49.886.306.447)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(44.087.275.360)	(44.087.275.360)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(294.264.000.000)	(294.264.000.000)
Tăng khác	-	131.994.000	-	131.994.000
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	3.269.600.000.000	60.917.847.513	382.560.736.472	3.713.078.583.985

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

### **24. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2015 trị giá 261.568 triệu VND, trong đó 98.088 triệu VND đã được tạm ứng theo Nghị quyết số 45/NQ-CHP ngày 8 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2016 là 130.784 triệu VND theo Nghị quyết số 63/NQ-CHP ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng Quản trị.

### **25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	10.873.931	247.001.715.743	18.890	424.201.354
EUR	28.277	674.784.320	28.220	689.724.533
		247.676.500.063		1.113.925.887

**27. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	208.253.231.342	71.626.876.300
Lãi tiền gửi	32.822.662.968	29.691.635.209
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.668.604.312	9.497.330.182
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	285.629.425
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.639.539	83.887.697
	243.757.138.161	111.185.358.813

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí tài chính**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí lãi vay	49.704.227.441	60.178.704.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.522.861.446	9.032.859.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.896.121.190	85.612.972
Dự phòng tổn thất đầu tư	12.727.353.240	-
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	889.170.396	-
	<hr/>	<hr/>
	82.739.733.713	69.297.177.179

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	56.676.723.592	63.662.859.788
Phân bổ lợi thế kinh doanh	12.824.784.000	12.824.784.000
Chi phí khấu hao	3.092.472.500	3.601.995.000
Dự phòng phải thu khó đòi	6.635.383.274	2.880.494.523
Chi phí văn phòng phẩm	3.373.046.700	2.470.295.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.872.337.708	4.624.938.933
Chi phí khác	33.884.941.424	30.252.059.622
	<hr/>	<hr/>
	121.359.689.198	120.317.427.679

**31. Thu nhập khác**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lãi do thanh lý công cụ, dụng cụ	1.475.874.613	200.153.148
Tiền bồi thường	598.916.650	89.100.000
Thu nhập tiền điện cho thuê	508.000.460	699.307.078
Các khoản khác	531.579.223	1.952.016.594
	<hr/>	<hr/>
	3.114.370.946	2.940.576.820

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	67.600.920.499	115.043.167.793
Chi phí nhân công	362.027.647.176	566.745.882.263
Chi phí khấu hao	254.545.593.791	316.257.742.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.896.283.796	111.211.192.195
Chi phí khác	130.781.300.281	161.637.226.378

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	66.111.309.352	94.952.498.578
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(17.679.647.498)	-
Chi phí thuế thu nhập	48.431.661.854	94.952.498.578

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	497.834.943.492	450.716.871.337
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	99.566.988.698	99.157.711.694
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	470.727.575	1.588.119.038
Giá trị thuế của khoản thu nhập không bị tính thuế	(41.650.646.268)	(15.757.912.786)
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ lãi vay cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa Vẽ giai đoạn từ 1/7/2014 đến 31/12/2015	(9.955.408.151)	-
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	9.955.408.151
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.172.481
	<b>48.431.661.854</b>	<b>94.952.498.578</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ</b>		
Tạm ứng cổ tức năm 2016	121.056.550.800	-
Chia cổ tức năm 2015	151.320.688.500	92.874.420.000
Chia cổ tức năm 2014	-	77.395.350.000
Cung cấp dịch vụ	1.871.710.737	-
Quyết toán về cổ phần hóa	78.704.002.961	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.429.672.895	5.168.814.764
Mua dịch vụ	1.363.944.527	679.106.793
Cổ tức được chia	153.000.000.000	71.400.000.000



**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		
	2016 VND	2015 VND	
<b>Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu</b>			
Góp vốn bằng tiền	28.153.801.967	-	
Mua dịch vụ	410.644.182	-	
Lợi nhuận được chia	53.127.415.648	-	
<b>Công ty TNHH MTV Đào tạo KTNV Cảng Hải Phòng</b>			
Góp vốn bằng tiền	573.153.359	-	
Cung cấp dịch vụ	586.184.210	-	
Mua dịch vụ	302.560.000	-	
Lợi nhuận được chia	15.418.724	-	
<b>Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng</b>			
Góp vốn bằng tiền	1.225.079.067	-	
Mua dịch vụ	1.287.280.945	-	
Lợi nhuận được chia	298.129.670	-	
<b>Công ty Cổ Phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng</b>			
Cung cấp dịch vụ	14.304.769.024	12.742.385.838	
Mua dịch vụ	31.248.271.197	42.223.482.386	
Cổ tức được chia	1.620.000.000	-	
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>			
Tiền lương và thưởng	6.272.102.678	5.273.750.086	

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính**

	2016 VND	2015 VND	
Sử dụng tài sản và nợ phải trả để thành lập công ty con:			
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(1.110.571.791)	-	
▪ Phải thu ngắn hạn khác	(17.653.800.046)	-	
▪ Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	480.055.909	-	
▪ Hàng tồn kho	(8.036.848.161)	-	
▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	(1.859.518.000)	-	
▪ Tài sản cố định hữu hình	(415.385.817.227)	-	
▪ Chi phí trả trước dài hạn	(2.209.106.687)	-	
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	1.997.353.446	-	
▪ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.560.343.385	-	
▪ Phải trả người lao động	14.275.729.285	-	
▪ Phải trả ngắn hạn khác	10.894.214.280	-	
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu khác	20.000.000.000	-	
Bù trừ cổ tức phải trả với phải thu về cổ phần hóa	78.704.002.961	-	

## **Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **36. Số liệu so sánh**

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đã phát hiện một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được phân loại đúng trong báo cáo tài chính năm trước như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn trên một năm với giá trị 15.504.823.644 VND được phân loại là phải thu dài hạn của khách hàng;
- Phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn trên một năm có giá trị 150.000.000 VND được phân loại là phải thu dài hạn khác;
- Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi có giá trị 13.780.724.899 VND được phân loại là dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi;
- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết có giá trị 77.551.047.448 VND được phân loại là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác mặc dù Công ty nắm giữ trên 20% sở hữu và quyền biểu quyết của các bên nhận đầu tư; và
- Hàng tồn kho có giá trị 10.558.922.152 VND được phân loại là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản theo quyết toán vốn Nhà nước, cụ thể như sau:

Ngày 10 tháng 10 năm 2016, giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/06/2014)” được phê duyệt bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ảnh hưởng của vấn đề này đối với một số khoản mục trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- Phải thu ngắn hạn khác giảm 23.881.541.657 VND;
- Hàng tồn kho giảm 38.743.532 VND;
- Tài sản cố định hữu hình - nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế giảm 58.650.036.275 VND và 123.784.080.323 VND tương ứng;
- Tài sản cố định vô hình - nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tăng cùng một giá trị 1.747.776.738 VND;
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tăng 6.226.000 VND; và
- Vay dài hạn tăng 41.219.984.859 VND.

**Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh lại các khoản mục này như được trình bày trong số liệu so sánh của báo cáo tài chính riêng này. Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 đã được điều chỉnh lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán riêng**

	1/1/2016		Điều chỉnh hồi tố theo Quyết toán vốn Nhà nước VND	1/1/2016
	(theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND		(đã điều chỉnh lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	173.444.912.258	15.504.823.644	-	188.949.735.902
Phải thu ngắn hạn khác	133.720.232.467	150.000.000	(23.881.541.657)	109.988.690.810
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(13.780.724.899)	-	(13.780.724.899)
Hàng tồn kho	19.067.789.514	10.558.922.152	(38.743.532)	29.587.968.134
Tài sản cố định hữu hình	2.805.539.435.743	-	65.134.044.048	2.870.673.479.791
<i>Nguyên giá</i>	<i>5.403.863.939.616</i>	-	<i>(58.650.036.275)</i>	<i>5.345.213.903.341</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(2.598.324.503.873)</i>	-	<i>123.784.080.323</i>	<i>(2.474.540.423.550)</i>
Tài sản cố định vô hình	815.781.000	-	-	815.781.000
<i>Nguyên giá</i>	<i>27.973.244.400</i>	-	<i>1.747.776.738</i>	<i>29.721.021.138</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(27.157.463.400)</i>	-	<i>(1.747.776.738)</i>	<i>(28.905.240.138)</i>
Phải thu dài hạn của khách hàng	15.504.823.644	(15.504.823.644)	-	-
Phải thu dài hạn khác	150.000.000	(150.000.000)	-	-
Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	(13.780.724.899)	13.780.724.899	-	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	-	77.551.047.448	-	77.551.047.448
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	95.299.957.448	(77.551.047.448)	6.226.000	17.755.136.000
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.558.922.152	(10.558.922.152)	-	-
Vay dài hạn	706.585.610.982	-	41.219.984.859	747.805.595.841

26 -03- 2017

Người lập:



Đào Ngọc Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Trần Thị Thanh Hải  
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh  
KT. Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc